

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HSST
Ngày: 21-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Trần Công Hoan**
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**; Ông **Huỳnh Bá Tiến**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang**— Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Bà **Đặng Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP., xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2025/HSST ngày 04 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN TRỌNG S - Sinh ngày: 28/6/1995, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: Thôn T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng B và bà Bùi Thị C; bị cáo có vợ là Lê Thị Hồng N và có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN TRỌNG H – Sinh ngày: 01/10/2002, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: Thôn T, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trọng B và bà Bùi Thị C; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo hiện đang tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà **Dương Thị Thúy H1** – SN: 1981; trú tại: kiệt 4/3 đường Lý Tự Trọng, P.Thạch Thang, Q.Hải Châu, TP.Đà Nẵng

2. Bà **Hoàng Thị H2** – SN: 1988; trú tại: tổ 15, P.Hòa Minh, Q.Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

3. Bà **Trần Thị Tuyết N1** - SN: 1987; trú tại: 43 Phước Tường 9, tổ 39, P.Hòa Phát, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng

4. Ông **Bùi Trọng N2** - SN: 1976; trú tại: 60 Phan Tứ, tổ 83, P.Mỹ An, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.Đà Nẵng

5. Ông **Phùng Khắc H3** - SN: 1995; trú tại: số 168 đường Nguyễn Thế Lịch, P.Hòa Thọ Đông, Q.Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng

6. Bà **Nguyễn Thị Thu H4** - SN: 1984; trú tại: tổ D, T . S, X . H, H.Hòa Vang, TP.Đà Nẵng

7. Ông **Cao Trường N3** - SN: 1992; trú tại: N, H, TP ., T.Thanh Hóa

8. Ông **Lê Xuân H5** - SN: 2003; trú tại: Tôn Cổ, Tân Phong, Quảng Xương, Thanh Hóa

9. Ông **Võ Đặng Anh V** - SN: 1990; trú tại: D V, P . M, Q.N, TP.Đà Nẵng
(Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 22 giờ ngày 19/10/2024, lực lượng 911- Công an thành phố Đ tiến hành tuần tra kiểm soát trên tuyến đường T- phường M, quận N, phát hiện Nguyễn Trọng S và Nguyễn Trọng H đang điều khiển xe mô tô BKS 92B1-541.54 có biểu hiện nghi vấn, tiến hành kiểm tra điện thoại thì phát hiện S và H có liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên đưa về trụ sở công an phường M làm việc.

*** Tang vật thu giữ của Nguyễn Trọng S:**

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi, màu đen;
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo Remi 12;
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 promax, số Imel 356876529126651
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng;
- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen;
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 92B1-541.54;

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng S;
- Số tiền 8.700.000 đồng.

*** Tang vật thu giữ của Nguyễn Trọng H:**

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imel 356801119104884; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng H.

Quá trình điều tra xác định:

Khoảng tháng 5/2024, S bắt đầu hoạt động cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Để thực hiện hành vi, S đăng lên hội nhóm Facebook “Cho vay tiền Đà Nẵng – Quảng Nam” nội dung cho vay tiền không thế chấp, S nói H vào Đà Nẵng ở để thuận tiện giúp S thẩm định điều kiện của người vay. Khi có người muốn vay tiền thì liên hệ qua zalo “T” số điện thoại 0904.962.566 của S để được hướng dẫn thủ tục cho vay, thỏa thuận số tiền vay và lãi suất cho vay; S yêu cầu người vay chụp ảnh căn cước công dân, địa chỉ nhà hoặc địa chỉ làm việc để H trực tiếp đến kiểm tra, xem xét điều kiện làm thủ tục cho vay.

Về phương thức cho vay, thời hạn vay và cách tính lãi như sau: S và H cho vay gói từ 4.000.000đ đến 30.000.000đ, lãi suất 30%/21 ngày. Chi phí hồ sơ và công đi lại dao động từ 300.000đ đến 1.200.000đ tùy theo gói vay. Số tiền vay mà người vay được nhận sau khi trừ tiền lãi, gốc của 02 ngày và chi phí hồ sơ, chi phí đi lại sẽ được S chuyển khoản thông qua tài khoản 1029116850 Ngân hàng V1 mang tên Cao Trường N3 và số tài khoản 0061001159835 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Trọng S. Số tiền người vay trả lãi và gốc hàng ngày được chuyển khoản qua 02 tài khoản nêu trên và tài khoản 19070042932018 ngân hàng T3 mang tên Lê Xuân H5.

Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2024 đến ngày 19/10/2024, trên địa bàn quận N và các quận khác thuộc thành phố Đà Nẵng, S và H5 đã cho 06 người vay, tổng số tiền cho vay là 410.000.000đ, số tiền lãi thu lợi bất chính là 122.302.414 đồng, gồm: số tiền lãi vượt quá là 98.102.414 đồng và tiền phí là 24.200.000đ. Cụ thể:

1. Bà Dương Thị Thúy H1 vay 12 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/5/2024, S và H5 cho bà H1 vay số tiền 10.000.000đ, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ, với mức lãi suất 451,9%/năm (gấp 22,595 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), trong đó, thu trước 02 ngày góp là 1.200.000đ và phí hồ sơ là 400.000đ. Bà H1 đã góp xong gói vay tương đương 12.600.000đ, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 115.069 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.884.932 đồng.

Lần 2: ngày 21/5/2024, bà H1 vay số tiền 15.000.000đ, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 900.000đ, với mức lãi suất 451,9%/năm, trong đó, thu trước 02 ngày

góp là 1.800.000đ và phí hồ sơ là 900.000đ. Bà H1 đã góp xong gói vay tương đương 18.900.000đ, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 172.603 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.627.397 đồng.

Bà H1 vay thêm 10 lần nữa với gói vay và hình thức vay như lần 2 và đã góp xong gói vay của các lần từ lần 3 đến lần 11; còn lần thứ 12, bà H1 góp được 10 ngày.

Tổng số tiền bà H1 đã trả là 210.600.000đ, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 1.923.288 đồng, số tiền gốc chưa trả là 7.856.143 đồng. T1 lợi bất chính số tiền 51.833.855 đồng.

2. Bà Hoàng Thị H2 vay 07 lần, cụ thể:

Lần 1: ngày 26/7/2024, S và H5 cho bà H2 vay số tiền 20.000.000đ, góp trong 18 ngày, mỗi ngày góp 1.500.000đ, với mức lãi suất 709,72%/năm (gấp 35,486 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), trong đó, thu trước 02 ngày góp là 3.000.000đ và phí hồ sơ là 1.200.000đ. Bà H2 đã góp xong gói vay này, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 197.260 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.002.740 đồng.

Lần 2: ngày 04/8/2024, Bà H2 vay số tiền 30.000.000đ, góp trong 18 ngày, mỗi ngày góp 2.250.000đ, với mức lãi suất 709,72%/năm, trong đó, thu trước 02 ngày góp là 4.500.000đ và phí hồ sơ là 2.000.000đ. Bà H2 đã góp xong gói vay này, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 295.890 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 12.204.110 đồng.

Lần 3, 4 bà H2 vay với gói vay và hình thức vay như lần 2 và đã góp xong.

Lần 5: ngày 02/10/2024, bà H2 vay số tiền 15.000.000đ, góp trong 18 ngày, mỗi ngày góp 1.100.000đ, với mức lãi suất 648,89%/năm, trong đó, thu trước 02 ngày góp là 2.200.000đ và phí hồ sơ là 1.000.000đ. Bà H2 đã góp xong gói vay này, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 147.945 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.652.055 đồng.

Lần 6 bà H2 vay với gói vay và hình thức vay như lần 5 và đã góp xong.

Lần 7: ngày 19/10/2024, bà H2 vay số tiền 30.000.000đ, góp trong 18 ngày, mỗi ngày góp 2.200.000đ, với mức lãi suất 648,89%/năm, trong đó, thu trước 02 ngày góp là 4.400.000đ và phí hồ sơ là 2.000.000đ. Bà H2 đã góp được 02 ngày, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 32.877 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.033.790 đồng.

Tổng số tiền bà H2 đã trả là 192.500.000đ, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 1.413.699 đồng, số tiền gốc chưa trả là 26.666.667 đồng. T1 lợi bất chính số tiền 58.952.968 đồng.

3. Bà Trần Thị Tuyết N1 vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 01/10/2024, S và H5 cho bà N1 vay số tiền 15.000.000đ, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 900.000đ, với mức lãi suất 451,9%/năm (gấp 22,595 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), trong đó, thu trước 02 ngày góp là 1.800.000đ và phí hồ sơ là 450.000đ. Bà N1 đã góp được 20 ngày tương đương 18.000.000đ, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 163.384 đồng, số tiền gốc chưa trả là 714.286 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.999.902 đồng.

Lần 2: Ngày 05/10/2024, S và H5 cho bà N1 vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ, với mức lãi suất 451,9%/năm, trong đó, thu trước 02 ngày góp là 600.000đ và phí hồ sơ là 150.000đ. Bà N1 đã góp được 16 ngày, tương đương 4.800.000đ số tiền lãi hợp pháp đã trả là 43.836 đồng, số tiền gốc chưa trả là 1.190.476 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.096.641 đồng.

4. Ông Bùi Trọng N2 vay 01 lần: Ngày 01/10/2024, S và H5 cho ông N2 vay số tiền 5.000.000đ, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 300.000đ, với mức lãi suất 451,9%/năm (gấp 22,595 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), trong đó, thu trước 02 ngày góp là 600.000đ và phí hồ sơ là 300.000đ. Ông N2 đã góp xong gói vay tương đương 6.300.000đ, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 57.534 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.542.466 đồng.

5. Ông Phùng Khắc H3 vay 01 lần: Ngày 19/10/2024, S và H5 cho ông H3 vay số tiền 10.000.000đ, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 600.000đ, với mức lãi suất 451,9%/năm (gấp 22,595 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), trong đó, thu trước 02 ngày góp là 1.200.000đ và phí hồ sơ là 600.000đ. Ông H3 đã góp được 02 ngày tương đương 1.200.000đ, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 10.959 đồng, số tiền gốc chưa trả là 9.047.619 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 836.660 đồng.

6. Bà Nguyễn Thị Thu H4 vay 01 lần: Ngày 13/10/2024, S và H5 cho bà H4 vay số tiền 30.000.000đ, góp trong 21 ngày, mỗi ngày góp 1.800.000đ, với mức lãi suất 451,9%/năm (gấp 22,595 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự), trong đó, thu trước 02 ngày góp là 3.600.000đ và phí hồ sơ là 1.200.000đ. Bà H4 đã góp được 08 ngày tương đương 14.400.000đ, số tiền lãi hợp pháp đã trả là 131.057 đồng, số tiền gốc chưa trả là 18.571.429 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.039.922 đồng.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số: 37/CT-VKS-NHS ngày 04/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP . thì bị cáo Nguyễn Trọng S và Nguyễn Trọng H bị truy tố về tội: *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn TP. Đà Nẵng thực hành quyền công tố nhà nước vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo về tội danh như đã nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Trọng S từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Trọng H từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo.

*** Về vật chứng:**

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Remi 12; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 promax, số Imel 356876529126651; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 92B1-541.54 của Nguyễn Trọng S; điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imel 356801119104884 của Nguyễn Trọng H. Các vật chứng trên là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.
- Đối với số tiền 8.700.000đ của Nguyễn Trọng S, đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.
- Đối với số dư trong tài khoản 1029116850 Ngân hàng V1 mang tên Cao Trường N3: 2.739 đồng và số dư trong số tài khoản 0061001159835 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Trọng S: 119.500.483 đồng. Cơ quan CSĐT Công an Q đã có công văn đề nghị phong tỏa để đảm bảo thi hành án là có căn cứ.
- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng S; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng H đề nghị trả lại cho S, H.

*** Biện pháp tư pháp:**

- Đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Trọng S:
 - + Số tiền gốc mà người vay đã trả: 345.952.381 đồng;
 - + Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà S đã thu của người vay: 3.745.206 đồng;
 - + Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà S đã thu của người vay, do người vay không yêu cầu nhận lại: 98.102.414 đồng.

+ Số tiền phí hồ sơ mà S đã thu của người vay, do người vay không yêu cầu nhận lại: 24.200.000đ.

Tổng cộng số tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Trọng S là: 472.000.000đ.

- Đề nghị truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Trọng H số tiền 15.000.000đ mà H được hưởng lợi do S trả lương cho H.

- Đề nghị tuyên truy thu sung công quỹ Nhà nước của những người vay số tiền gốc mà người vay phải trả cho S nhưng chưa trả được: 64.047.619 đồng. Trong đó: bà Dương Thị Thúy Hằng S1 tiền: 7.857.143 đồng; bà Hoàng Thị H2 số tiền: 26.666.667 đồng; bà Trần Thị Tuyết N1 số tiền: 1.904.761 đồng; ông Phùng Khắc H3 số tiền: 9.047.619 đồng và bà Nguyễn Thị Thu H4 số tiền: 18.571.429 đồng.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì nên HĐXX không xem xét.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Từ tháng 5/2024 đến ngày 19/10/2024, trên địa bàn quận N và các quận khác thuộc thành phố Đà Nẵng, Nguyễn Trọng S và Nguyễn Trọng H đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với mức lãi suất từ 451,9%/năm đến 709,72%/năm (gấp 22,6 đến 35,5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định Bộ luật Dân sự 2015) đối với 06 người vay với tổng số tiền cho vay là 410.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 122.302.414 đồng, gồm: số tiền lãi vượt quá là 98.102.414 đồng và tiền phí là 24.200.000 đồng.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến khách thể là trật tự quản lý tài chính của nhà nước được pháp luật bảo vệ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã truy tố các bị cáo về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

Mặc dù các bị cáo biết rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt tương xứng với mức độ hành vi mà các bị cáo đã gây ra mới có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, Nguyễn Trọng S là người giữ vai trò chủ chốt, lôi kéo bị cáo Nguyễn Trọng H là em ruột của mình vào hoạt động cho vay nặng lãi nên cần áp dụng khoản 3 Điều 201 BLHS xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Trọng S 30.000.000đ để tăng thêm tính răn đe đối với bị cáo. Đối với hành vi giúp sức của bị cáo Nguyễn Trọng H cũng cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Song xét thấy, hoạt động của các bị cáo tuy có gây ra những hệ lụy nhất định cho xã hội, nhưng xét bản chất các giao dịch cũng dựa trên sự tự nguyện của những người vay; các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo S trong quá trình điều tra đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính 8.700.000đ nên cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

Từ những nhận định ở trên, HĐXX xét thấy không cần thiết phải xử cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bản thân bị cáo cũng là thỏa đáng.

Đối với ông Cao Trường Nhất L chủ sở hữu số tài khoản 1029116850 ngân hàng V1; ông Lê Xuân H5 – chủ số tài khoản 19070042932018 ngân hàng T3, qua xác minh ông H5 hiện không có mặt tại địa phương, đồng thời S khai việc S mượn và sử dụng tài khoản của ông N3, ông H5 để thực hiện việc cho vay, ông N3 và ông H5 không biết, không liên quan và không hưởng lợi gì nên Cơ quan CSĐT Công an quận Q không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với ông Võ Đăng Anh V là chủ căn hộ A (địa chỉ B A, P . M, Q.N, TP.Đà Nẵng) không biết việc S và H5 thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên Cơ quan CSĐT Công an quận Q không đề cập xử lý là có căn cứ.

[3] Về vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Remi 12; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 promax, số Imel 356876529126651; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 xe mô tô

nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 92B1-541.54 của Nguyễn Trọng S; điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imel 356801119104884 của Nguyễn Trọng H. Các vật chứng trên là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 8.700.000đ của Nguyễn Trọng S xét thấy cần tiếp tục quy trừ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số dư trong tài khoản 1029116850 Ngân hàng V1 mang tên Cao Trường N3: 2.739 đồng và số dư trong số tài khoản 0061001159835 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Trọng S: 119.500.483 đồng. Cơ quan CSĐT Công an quận Q đã có công văn đề nghị phong tỏa để đảm bảo thi hành án là có căn cứ.

- Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng S; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng H. Xét thấy cần tuyên trả lại cho các bị cáo.

[4] Biện pháp tư pháp:

- Xét thấy cần tuyên truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Trọng S:

+ Số tiền gốc mà người vay đã trả: 345.952.381 đồng;

+ Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà S đã thu của người vay: 3.745.206 đồng;

+ Số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà S đã thu của người vay, do người vay không yêu cầu nhận lại: 98.102.414 đồng.

+ Số tiền phí hồ sơ mà S đã thu của người vay, do người vay không yêu cầu nhận lại: 24.200.000đ.

Tổng cộng số tiền truy thu sung công quỹ Nhà nước đối với Nguyễn Trọng S là: 472.000.000đ.

- Đối với số tiền 15.000.000đ mà H được hưởng lợi do S trả lương cho H trong hoạt động vi phạm pháp luật nên xét thấy cần tuyên buộc bị cáo Nguyễn Trọng H phải nộp lại số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà người vay phải trả cho S nhưng chưa trả được. Xét thấy cần tuyên buộc những người này phải nộp lại số tiền 64.047.619đ để sung vào ngân sách nhà nước. Cụ thể: Bà Dương Thị Thúy Hằng S1 tiền: 7.857.143đ; bà Hoàng Thị H2 số tiền: 26.666.667đ; bà Trần Thị Tuyết N1 số tiền: 1.904.761đ; ông Phùng Khắc H3 số tiền: 9.047.619đ và bà Nguyễn Thị Thu H4 số tiền: 18.571.429đ.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trọng S và Nguyễn Trọng H phạm tội: "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng S 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng, kể từ ngày tuyên án 21/5/2025.

Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 201 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng S 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án 21/5/2025.

Giao các bị cáo về Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong suốt thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

[2] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên truy thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Remi 12; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 15 promax, số Imel 356876529126651; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 xe mô tô BKS: 92B1-541.54 (nhãn hiệu: Hon da, màu sơn: Xanh bạc, Dung tích xilanh 109.1cm³, số loại: Wave, loại xe: 02 bánh, Số khung: RLHJA3920NY523681; số máy: JA39E2989881) của Nguyễn Trọng S.

- Điện thoại di động hiệu Iphone 11, số Imel 356801119104884 của Nguyễn Trọng H;

- T2 tiếp tục quy trừ để đảm bảo cho việc thi hành án 8.700.000đ của Nguyễn Trọng S.

- Tuyên trả lại cho các bị cáo: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng S; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Trọng H.

(Tất cả vật chứng trên hiện đang lưu giữ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 16/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP . và giấy nộp tiền lập ngày 15/5/2025).

- Tuyên tiếp tục phong tỏa để đảm bảo thi hành án: Số dư trong tài khoản 1029116850 Ngân hàng V1 mang tên Cao Trường N3: 2.739 đồng và số dư trong số tài khoản 0061001159835 Ngân hàng V1 mang tên Nguyễn Trọng S: 119.500.483 đồng.

[3] Biện pháp tư pháp:

* Tuyên truy thu sung công quỹ Nhà nước của:

- Bị cáo Nguyễn Trọng S 472.000.000đ (bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng).

- Bị cáo Nguyễn Trọng H: 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng).

- Bà Dương Thị Thúy H1 7.857.143đ (bảy triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi ba đồng).

- Bà Hoàng Thị H2 26.666.667đ (hai mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

- Bà Trần Thị Tuyết N1 1.904.761đ (một triệu, chín trăm linh bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi một đồng).

- Ông Phùng Khắc H3 9.047.619đ (chín triệu, không trăm bốn mươi bảy nghìn, sáu trăm mười chín đồng).

- Bà Nguyễn Thị Thu H4 18.571.429đ (mười tám triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi chín đồng).

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Trọng S và Nguyễn Trọng H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận NHS;

TÒA

- VKSND TP. Đà Nẵng;

- Công an TP. Đà Nẵng;

- Chi cục THADS quận NHS;

- Những người tham gia tố tụng;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Trần Công Hoan